

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST

Ngày 25-4-2025

V/v: Tranh chấp về đòi nhà
đất cho mượn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại

Ông Nguyễn Viết Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024 về việc: Đòi quyền sử dụng đất; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX-DSST ngày 07/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DSST ngày 14/3/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thạch Thọ H, sinh năm 1981;

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

Cùng cư trú tại: Thôn 2, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội; ông H và bà N có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà N là: Ông Nguyễn Duy D và bà Lê Nguyên A, cùng trú tại: Phố D, phường T, quận L, thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 2682.2024/GUQ, quyền số 06/2024/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng B ngày 30/10/2024); ông D vắng mặt, bà A có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Thị

Ngọc H1 - Công ty Luật TNHH D1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn 3, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Thạch Thị N1, sinh năm 1957; vắng mặt;

2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1987; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn 3, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:* Vợ chồng ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N là chủ sử dụng thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m² tại địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 908209 ngày 03/07/2019 mang tên ông Thạch Thọ H, bà Nguyễn Thị N. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 40m².

Ông Thạch Thọ H có người cháu là Nguyễn Hữu C. Ông C gọi ông H là cậu ruột. Ông C có nhà ngay sát nhà đất nêu trên của vợ chồng ông H. Ông C có bán tạp hóa nên cần kho để chứa hàng hóa nên năm 2019, ông C hỏi ông H cho ông C mượn nhà đất để ông C chứa hàng tạp hóa. Vì thương cháu, muốn giúp cháu có chỗ chứa hàng vì cháu nhập lượng hàng lớn thì được giá rẻ hơn, để tạo điều kiện tăng thu nhập cho gia đình ông C, vợ chồng ông H đã đồng ý cho ông C mượn nhà đất. Trước khi cho ông C mượn nhà đất thì ông H đã nói rõ cho mượn tối đa 5 năm, bất kể khi nào vợ chồng ông H muốn lấy lại nhà đất để sử dụng thì ông C phải dọn toàn bộ hàng hóa và giao lại nhà đất trả cho vợ chồng ông H, ông C hoàn toàn nhất trí với nội dung trên. Do là cậu - cháu nên việc ông C mượn ông H nhà đất và ông H cho ông C mượn nhà đất hai bên không lập văn bản, chỉ nói miệng với nhau.

Tháng 7 năm 2023, vợ chồng ông H có nhu cầu lấy lại nhà đất để sử dụng nên ông H có trao đổi với ông C về việc dọn dẹp đồ đạc, hàng hóa hiện đang chứa tại nhà đất của ông H. Lúc đầu, ông C đồng ý nhưng sau khoảng 1 tuần thì ông C lại không đồng ý trả và đến nay vẫn ngang nhiên tiếp tục sử dụng nhà đất của ông H và thách thức ông H muốn làm gì thì làm. Ngày 06/3/2024, Ủy ban nhân dân xã D (nay là xã T), huyện G đã tổ chức phiên họp hoà giải tranh chấp đất đai giữa ông H và ông C. Dù đã được các thành viên hội đồng hoà giải tranh chấp đất đai giải

thích, góp ý ông C nên trả lại đất cho gia đình ông H nhưng ông C vẫn cố tình không trả nên buổi hoà giải không thành.

Vợ chồng ông H đã tạo điều kiện cho cháu ruột mượn nhà đất để lấy chỗ chứa hàng hóa và cũng vì thương cháu nên ông H không lấy 1 đồng nào. Nếu là người ngoài thì phải trả cho ông H tiền thuê nhà nhưng là ruột thịt nên vợ chồng ông H đã tạo điều kiện cho ông C suốt 5 năm (từ năm 2019) nhưng không được một lời cảm ơn mà nay ông C còn nổi lòng tham không muốn trả vợ chồng ông H nhà đất đã mượn là không thể chấp nhận được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C có cam kết qua Tết âm lịch năm 2025 sẽ tự nguyện di dời hàng hóa, đồ đạc và trả lại nhà đất cho vợ chồng ông H. Tuy nhiên, đến hẹn thì ông C chỉ dọn một phần đồ đạc và mẹ ông C có hành vi ngăn cản vợ chồng ông H bắt tôn ngăn ranh giới thửa đất giữa hai nhà. Việc ông C chiếm giữ, sử dụng, không trả lại nhà đất nêu trên cho vợ chồng ông H đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông H. Vì vậy, vợ chồng ông H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu C phải di dời toàn bộ đồ đạc hàng hóa để tại nhà đất của vợ chồng ông H ra khỏi phạm vi nhà đất của vợ chồng ông H và trả lại cho vợ chồng ông H toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m², địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội.

** Bị đơn - ông Nguyễn Hữu C trình bày:* Năm 2019, tôi có chuyển nhượng thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m², địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội cho vợ chồng cậu Thạch Thọ H và mẹ Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, sau đó, tôi có xin mượn lại nhà đất để làm kho bán hàng tạp hóa thì vợ chồng cậu H đồng ý. Việc cho mượn nhà đất hai bên không lập văn bản, chỉ nói miệng với nhau. Gần đây, tôi và gia đình cậu H đã họp gia đình và thỏa thuận đến hết năm 2025 tôi sẽ bàn giao lại tài sản là nhà đất trên cho vợ chồng cậu H nhưng không hiểu vì sao nay vợ chồng cậu H đã khởi kiện tại tòa. Việc khởi kiện của vợ chồng cậu H là đúng pháp luật nhưng không đúng lời thỏa thuận khi họp gia đình. Và thực tế, tôi đã bàn giao tài sản trên cho cậu H đúng như thỏa thuận trong buổi hòa giải tại Tòa án. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Bà Thạch Thị N là mẹ đẻ của ông Nguyễn Hữu C và bà Vũ Thị T là vợ của ông Nguyễn Hữu C không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày tại Tòa án.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu ý kiến về việc chấp*

hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng và đầy đủ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 494, 496, 497, 498, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Thạch Thọ H, bà Nguyễn Thị N, buộc ông Nguyễn Hữu C phải di dời toàn bộ đồ vật, tài sản và trả lại cho vợ chồng ông Thạch Thọ H, bà Nguyễn Thị N nhà đất tại thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m² (diện tích hiện trạng là 104,8m²), địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H và bà N về việc thanh toán giá trị mái tôn 37.656.800 đồng cho ông C.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 10/10/2024, ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện ghi ngày 28/8/2024 đối với ông Nguyễn Hữu C, địa chỉ cư trú tại: Thôn 3, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội về việc: Buộc ông Nguyễn Hữu C phải di dời toàn bộ đồ đạc hàng hóa để tại nhà đất của vợ chồng ông H ra khỏi phạm vi nhà đất của

vợ chồng ông H và trả lại cho vợ chồng ông H toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m², địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Đòi quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nhà đất đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N cho ông Nguyễn Hữu C mượn để làm kho chứa hàng tạp hóa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp về đòi nhà đất cho mượn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về xác định tư cách của đương sự: Ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N là người khởi kiện nên là nguyên đơn. Ông Nguyễn Hữu C là người bị kiện nên là bị đơn. Bà Thạch Thị N1 là mẹ đẻ của ông Nguyễn Hữu C, bà Vũ Thị T là vợ của ông Nguyễn Hữu C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hữu C, bà Vũ Thị T, bà Thạch Thị N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, Ông C, bà T, bà N1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C, bà T, bà N1 là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*** Về nội dung:**

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1]. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 908209 ngày 03/07/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp cho ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N, diện tích 105,2m² đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội. Theo các đương sự trình bày thửa đất trên do ông Nguyễn Hữu C chuyển nhượng cho ông H và bà N năm 2019. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 40m². Sau khi chuyển nhượng, ông C đã mượn lại nhà đất trên để làm kho chứa hàng tạp hóa. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4.2]. Tháng 7/2023, ông H, bà N có nhu cầu lấy lại nhà đất để sử dụng và đã báo cho ông C nhưng ông C không bàn giao tài sản cho ông H, bà N. Xét thấy, nhà đất trên thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông H, bà N cho ông C mượn để làm kho chứa hàng tạp hóa. Nay, ông H, bà N có nhu cầu sử dụng và yêu

cầu ông C trả lại nhưng ông C không thực hiện việc bàn giao tài sản nên ông H, bà N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu C phải di dời toàn bộ đồ đạc hàng hóa để tại nhà đất của vợ chồng ông H ra khỏi phạm vi nhà đất của vợ chồng ông H và trả lại cho vợ chồng ông H toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m², địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.3]. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 17/02/2025, giữa ông H, bà N và ông C đã thực hiện bàn giao tài sản cho nhau và ký biên bản bàn giao nhà đất nhưng chưa thực hiện xong việc bàn giao tài sản thì mẹ đẻ của ông C là bà Thạch Thị N1 đã ngăn cản việc giao nhận tài sản nên thỏa thuận về bàn giao tài sản giữa hai bên không thực hiện được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải di chuyển toàn bộ đồ đạc hàng hóa và trả lại cho vợ chồng ông H, bà N toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m² là có căn cứ.

[4.4]. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện:

- Về hiện trạng thửa đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất thì thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18 có diện tích 105,2m²; diện tích hiện trạng theo kết quả đo đạc thực tế là 104,8m².

- Về tài sản trên đất: Nhà cấp 4 có diện tích 51,7m² xây dựng trước năm 2000; nhà tạm giáp đường có diện tích 22,4m² xây sau năm 2000, trước 2010; nhà tạm cuối thửa đất có diện tích 30,7m² xây sau năm 2000, trước 2010; sân gạch đỏ có diện tích 59,5m² xây dựng trước năm 2000 đều đã hết khấu hao có giá trị 0 đồng.

Năm 2024, ông C làm mái tôn có diện tích 82,4m² trị giá: 37.656.800 đồng. Xét thấy, việc ông C làm mái tôn không được sự đồng ý của ông H, bà N đáng lẽ cần buộc ông C phải dỡ bỏ để trả lại nhà đất cho ông H bà N. Tuy nhiên, diện tích mái tôn trên mới làm vẫn còn sử dụng tốt; tại phiên tòa, ông H và bà N nhất trí nhận mái tôn đó và sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị mái tôn theo kết quả định giá tài sản nên ghi nhận và giao cho ông H, bà N được quyền sở hữu mái tôn trên, đồng thời có trách nhiệm thanh toán giá trị mái tôn cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu C, bà Vũ Thị T là có căn cứ.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

[5]. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N nên bị đơn - ông Nguyễn Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Về quyền kháng cáo:**

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 494, 496, 497, 498, 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N với bị đơn - ông Nguyễn Hữu C.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu C phải trả lại cho vợ chồng ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N nhà đất tại thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m² (diện tích hiện trạng là 104,8m²), địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội.

3. Buộc ông Nguyễn Hữu C, bà Thạch Thị N1, bà Vũ Thị T phải di chuyển toàn bộ đồ đạc hàng hóa để bàn giao toàn bộ diện tích nhà đất tại thửa đất số 7(1), tờ bản đồ số 18, diện tích 105,2m² (diện tích hiện trạng là 104,8m²), địa chỉ: Thôn C, xã D (nay là xã T), huyện G, thành phố Hà Nội cho ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N.

4. Ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N được quyền ở hữu 82,4m² mái tôn và có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu C và bà Vũ Thị T số tiền: 37.656.800 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Nguyễn Hữu C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả ông Thạch Thọ H và bà Nguyễn Thị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên lai số 0004469 ngày 11/10/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND t/p Hà Nội;
- VKSND huyện G, t/p Hà Nội
- Chi Cục THA Dân sự huyện G, t/p Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quang Dũng